TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/DS-ST
Ngày: *26/05/2022*
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN thị xã L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Đức.

2. Bà Hoàng Thị Tường Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968;
Nơi cư trú: Số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, thôn B, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1983;
Nơi cư trú: Khu phố 05, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/04/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 22/6/2018 bà Nguyễn Thị Hồng V có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích về tu bổ và sửa

chửa tàu thuyền và hứa mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trong thời gian đó bà H có bận công việc đi xa nhà mấy tháng nên có nhờ ông Lê Hoàng Khang đi lấy tiền nợ hàng tháng giúp. Từ đó tới này bà V đã không trả tiền nợ cho bà H. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã L buộc bà V phải trả cho bà H số tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 47.600.000 đồng. Tổng cộng là 187.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H trình bày do bà nhớ nhầm, trong khoảng thời gian bà đi du lịch thì có nhờ ông Khang đi lấy tiền dùm, thì ông Khang có lấy được 03 tháng tổng cộng là 27.000.000 đồng, 02 tháng đầu là thu mỗi tháng 10.000.000 đồng và tháng thứ 03 thì bà V nói không còn tiền nên chỉ đưa có 7.000.000 đồng và sau đó thì bà V không trả thêm được số tiền nào. Khoảng thời gian đó bà H có chơi bên bà V 01 dây huê 3.000.000 đồng, khi còn 4 tháng thì bà H hốt huê, giữa bà H và bà V có thỏa thuận bà V sẽ đóng 04 tháng còn lại cho bà H với số tiền là 12.000.000 đồng. Như vậy bà V đã trả cho bà H được 39.000.000 đồng trong đó trả 27.000.000 đồng tiền do ông Khang lấy dùm và 12.000.000 đồng bà V đóng huê dùm bà. Tiền cho bà V mượn là tài sản riêng của bà H, bà V ký giấy vay nên chỉ yêu cầu một mình bà V trả. Nay bà H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu buộc bà V phải trả cho bà H số tiền gốc là 101.000.000 đồng (Một trăm lẽ một triệu đồng) và rút yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho việc ra quyết định, bản án đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 101.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu về việc tính lãi của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay với bà Nguyễn Thị Hồng V đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 03 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V cư trú tại khu phố 05, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo điểm a khoản 01 Điều 35; khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bà V từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bà V nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V không hợp tác, không đến Tòa án. Như vậy, bà V đã tự khước từ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227; khoản 03 Điều 228 Bố luật tố tụng dân sự.

Về việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 101.000.000 đồng tiền gốc và rút yêu cầu về việc tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền vay phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản mà hai bên đã xác lập theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/06/2018, ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự, nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" là đúng pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Tại Giấy ủy quyền lập ngày 22/06/2018 thể hiện việc bà H cho bà V vay số tiền 140.000.000 đồng có thỏa thuận hàng tháng trả 10.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất và mục đích vay, có chữ viết và chữ ký của bà V. Như vậy, có căn cứ xác định giữa các bên có thỏa

thuận thực hiện một hợp đồng vay tài sản, đây là hợp đồng có kỳ hạn, không có tài sản đảm bảo, không có thỏa thuận lãi suất, được quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Quá trình giải quyết vụ án bà V nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bà V không hợp tác, không đến Tòa án cũng như không có ý kiến trình bày hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bà V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà V là có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng bà V không thực hiện đúng như thỏa thuận, như vậy bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Từ những phân tích trên, việc bà H khởi kiện bà V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà H rút yêu cầu tính lãi nên đình chỉ về việc yêu cầu tính lãi của bà H.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Điều 91; Khoản 02 Điều 92; Điều 147; Điểm b khoản 02 Điều 227; Điều 228; Khoản 03 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 05 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là là 101.000.000 đồng (Một trăm lẽ một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải nộp 5.050.000 đồng (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 4.690.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004565 ngày 08/06/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/05/2022). Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thị xã L;*
- *Chi cục THA dân sự thị xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Biện Việt Hùng